

CÁC BỘ**LIÊN BỘ ỦY BAN KIẾN THIẾT CƠ BẢN
NHÀ NƯỚC — LAO ĐỘNG****THÔNG TƯ liên bộ số 09-TT/LB ngày
4-7-1968 quy định và hướng dẫn về
bảo vệ chống sét cho các xí nghiệp
sơ tán trong thời chiến.**

Chấp hành chủ trương của Đảng và Chính phủ, các xí nghiệp của trung ương cũng như địa phương phải phân tán, sơ tán đến những nơi an toàn để tránh những thiệt hại do chiến tranh phá hoại của địch gây ra, và tiếp tục sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Tình hình đó đã đặt ra nhiều vấn đề mới cần phải được giải quyết. Một trong những vấn đề đó là công tác phòng, chống sét cho các xí nghiệp công nghiệp phân tán và sơ tán trong thời chiến.

Hiện nay, nhìn chung công tác phòng chống sét chưa được giải quyết một cách đúng mức: nhiều cơ sở chưa đặt vấn đề hoặc chưa tiến hành phòng, chống sét cho những công trình cần phải bảo vệ; một số nơi khác đã tiến hành phòng, chống sét nhưng chưa bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật; ngược lại, có nơi lại tiến hành đặt thiết bị bảo vệ chống sét một cách tràn lan, gây lãng phí tiền của, vật tư, không phù hợp với phương châm xây dựng trong thời chiến.

Thông tư này ban hành nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng của công tác chống sét cho các cơ sở công nghiệp sơ tán trong thời chiến, đưa công tác quản lý kỹ thuật vào nề nếp, bảo vệ người, máy móc và công trình, tiết kiệm nguyên vật liệu.

Thông tư này chỉ quy định và hướng dẫn công tác phòng, chống sét cho các xí nghiệp công nghiệp sơ tán thông thường, mà không áp dụng cho những xí nghiệp có sản xuất và tàng trữ các chất dễ cháy, dễ nổ, khi cháy nổ có thể gây ra chết người hàng loạt hoặc thiệt hại lớn về kinh tế.

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Tất cả các cơ sở khi tiến hành công tác bảo vệ chống sét phải thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

- a) Đảm bảo an toàn cho người, máy móc và công trình một cách chắc chắn;
- b) Hết sức tiết kiệm vật tư, triệt để sử dụng nguyên vật liệu cũ, sẵn có;

c) Đảm bảo thiết kế, thi công nhanh chóng để sớm đưa toàn bộ công trình hoặc từng bộ phận vào sản xuất. Có thể thiết kế, thi công hệ thống bảo vệ chống sét sau khi thiết kế, thi công các công trình chính của xí nghiệp. Nhưng trong nhiệm vụ thiết kế phải ghi rõ thời gian bắt đầu tiến hành thiết kế, thi công và thời gian phải hoàn thành hệ thống chống sét.

d) Hết sức chú ý đến tình hình phòng không, không vì việc đặt hệ thống bảo vệ chống sét mà để lộ địa điểm của xí nghiệp.

2. Những công trình sau đây nhất thiết phải bảo vệ chống sét đánh thẳng (trừ trường hợp đặc biệt nói ở mục 3 tiếp theo):

a) Những công trình thường xuyên có 20 người trở lên làm việc trong một ca và những công trình quan trọng của xí nghiệp, khi những công trình này không được bảo vệ bởi những công trình khác hoặc cây xanh; nếu những công trình đó chỉ được bảo vệ một phần bởi các công trình khác hoặc cây xanh, thì phải tiến hành bảo vệ phần còn lại;

b) Những công trình có mật độ máy móc bằng kim loại lớn, những công trình xây dựng trên các vùng đất có quặng kim loại, những ống khói, ống xả hơi... bằng kim loại mà chiều cao trên 10m, thì mặc dù đã được cây xanh bao che cũng phải tiến hành đặt hệ thống bảo vệ chống sét.

Những ống khói, ống xả hơi... bằng kim loại mà chiều cao dưới 10m, hoặc bằng gạch, bằng bê-tông... với bất kỳ chiều cao nào, chỉ tiến hành bảo vệ chống sét khi chung quanh nó không có cây xanh cao hơn bao che.

Ghi chú:

Những công trình quan trọng của xí nghiệp là những công trình có chứa các máy móc, thiết bị đầu mối của xí nghiệp đó, mà khi hư hỏng sẽ làm đình trệ dây chuyền sản xuất của toàn xí nghiệp. Ví dụ như: trạm phát điện, trạm phân phối điện, lò hơi... hoặc những công trình có chứa máy móc quý, đắt tiền, hiểm, khi bị hư hỏng sẽ khó thay thế và gây ra thiệt hại lớn về kinh tế.

Những công trình có mật độ máy móc bằng kim loại lớn, là những công trình có hệ số choán (Kc) lớn hơn 0,2. Hệ số choán là tỷ số giữa diện tích đặt máy móc và diện tích toàn bộ của ngôi nhà.

3. Những công trình sau đây không cần phải bảo vệ chống sét đánh thẳng:

a) Những công trình quan trọng của xí nghiệp mà hoàn toàn đã được bảo vệ bởi các công trình khác hoặc cây xanh chung quanh; các công trình

xây dựng giữa thôn xóm, trong rừng cây với quy mô nhỏ và không cao hơn nhà cửa, cây cối trong vùng đó ;

b) Những nhà kho chứa nhiều máy móc, vật liệu bằng kim loại lớn, mà không phải là loại quý, hiếm, đắt tiền ;

c) Những ống khói, ống xả hơi... bằng kim loại có độ cao nhỏ hơn 10m, hoặc bằng gạch, bằng bê-tông... với bất kỳ độ cao nào, mà đã được cây xanh cao hơn bao che ;

d) Những công trình đã đưa vào các hang động ;

e) Tất cả các công trình xây dựng ở những vùng mà 10 năm liên tục trở lại đây không có sét đánh xuống mặt đất hoặc cây cối trong vùng đó.

4. Những trường hợp sau đây cần phải tiến hành bảo vệ chống sét từ đường dây dẫn điện, đường ống bằng kim loại truyền vào nhà :

a) Đường dây dẫn điện trên không và đường ống bằng kim loại đặt trên không đến các bộ tiêu thụ, mà có những chỗ cao đột xuất vượt lên so với nhà cửa và cây cối chung quanh, hoặc có những quãng bằng qua đồng trống ;

b) Đường dây dẫn điện trên không và đường ống bằng kim loại đặt trên không đến các bộ tiêu thụ mà cao hơn nhà cửa và cây cối chung quanh ;

c) Đường dây dẫn điện và đường ống bằng kim loại trên không đến các bộ tiêu thụ đặt thấp hơn cây cối, nhưng dây dẫn hoặc đường ống ngoài cùng cách cành cây nhỏ hơn một mét ;

d) Đường dây dẫn điện trên không đến các bộ dùng điện mà đặt thấp hơn nhà cửa, cây cối trong vùng, nhưng chiều dài tổng cộng của hệ thống đường dây trên 1000m (không kể số dây dẫn điện trong nhà và chiều dài tổng cộng của hệ thống dây dẫn được tính cho một dây).

II. NHỮNG QUY ĐỊNH VÀ PHƯƠNG PHÁP BẢO VỆ CHỐNG SÉT ĐÁNH THẲNG

1. Công trình mái bằng chỉ cần bảo vệ các góc mái và tường chắn mái ; mặt mái không cần phải bảo vệ.

2. Các công trình mái dốc, có độ dốc bằng hoặc lớn hơn 27° , chiều cao không quá 16m, chiều rộng không quá 21m, khi tiến hành bảo vệ chống sét phải theo những quy định sau đây :

a) Nếu chiều dài của công trình không quá 30m, thì chỉ cần bảo vệ các góc mái và các góc chân mái ;

b) Nếu chiều dài công trình từ 30m đến 60m, thì chỉ cần bảo vệ các góc mái, góc chân mái và bờ nóc.

Trường hợp đặc biệt, nếu công trình mái dốc có độ dốc nhỏ hơn 27° và chiều dài lớn hơn 60m, thì còn phải tăng cường bảo vệ cả chân mái nữa.

3. Các công trình có những kết cấu nhô cao khỏi mặt mái (ống khói, ống thông hơi...) thì ngoài việc bảo vệ chống sét cho công trình như quy định ở mục 1 và 2 (phần II), còn phải tăng cường bảo vệ cục bộ cho những kết cấu đó.

4. Các công trình có mái bằng kim loại, thì chỉ cần nối đất chân mái là đủ. Nếu chiều dài công trình từ 20m trở xuống, thì mỗi góc chân mái phải đặt một dây nối đất. Nếu chiều dài công trình lớn hơn 20m, thì cứ cách 20m đặt một dây nối đất.

5. Những công trình có mái làm bằng tranh, tre, nứa, lá... hoặc làm bằng vật liệu xây dựng dễ cháy, thì phải đảm bảo khoảng cách giữa các bộ phận dẫn điện của hệ thống chống sét với công trình không được nhỏ hơn 40cm, nếu khoảng cách đó không bảo đảm được, thì hệ thống chống sét bắt buộc phải đặt độc lập.

6. Ống khói bằng kim loại có chiều dày lớn hơn 3mm, thì chỉ cần nối chân ống khói với bộ phận nối đất.

Nếu chiều cao của ống khói nhỏ hơn 10m, thì chỉ cần một dây nối đất ; nếu lớn hơn 10m thì phải có ít nhất là hai dây.

Ống khói bằng gạch thì phải bảo vệ bằng kim thu sét. Nếu đường kính miệng ống khói lớn hơn 1m, thì phải bảo vệ ít nhất bằng 2 kim thu sét. Số dây nối đất cũng quy định như trường hợp ống khói bằng kim loại.

7. Các dây dẫn sét phải đặt theo những đường ngắn nhất kể từ bộ phận thu sét đến bộ phận nối đất ; các chỗ uốn cong không được nhỏ hơn 90° .

Đối với các công trình có chiều cao nhỏ hơn 10m, thì một kim thu sét cho phép đặt một dây nối đất ; nếu số kim thu sét lớn hơn 2, thì cho phép dùng một dây dẫn nối liền giữa các kim, và cứ 20m theo chiều dài của công trình, phải có một dây dẫn nối xuống dây nối đất.

8. Trị số điện trở nối đất của hệ thống chống sét đánh thẳng không được lớn hơn 20 ôm. Trường hợp điện trở suất của đất (tại khu vực xây dựng công trình) có trị số lớn, thì phải dùng phương pháp cải tạo đất, hoặc đặt bộ phận nối đất ra xa (nơi có điện trở suất của đất nhỏ) để đảm bảo trị số điện trở nối đất nằm trong giới hạn. Khi đã thực hiện các biện pháp trên mà

0967 135 0967 135 * www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684 * LawSofit

vẫn không đạt được trị số điện trở nổi đất quy định, hoặc có thể thực hiện được nhưng quá tốn kém, thì trị số điện trở nổi đất được phép tăng lên, nhưng không được quá 50 ôm.

9. Trị số điện trở suất của đất được xác định bằng cách dùng đồng hồ đo trực tiếp. Để tính đến ảnh hưởng của thời tiết, trị số điện trở suất của đất đo được phải nhân với hệ số $K_m = 1,4$ khi đo vào mùa khô, $K_m = 1,8$ khi đo vào mùa mưa nếu nổi đất theo kiểu bề mặt; và $K_m = 1,1$ đến $1,3$ nếu nổi đất theo kiểu chôn sâu.

Khi không có điều kiện đo trực tiếp bằng đồng hồ, thì trị số điện trở suất của đất dùng trong tính toán được xác định một cách gần đúng theo bảng sau đây:

Loại đất	Trị số điện trở suất của đất (ôm/cm)
— Đất sét, đất vườn, đất ruộng, đất sét pha cát, đất bùn, đất có lẫn quặng sắt, đất đen và đất có mạch nước ngầm.	$0,5 \cdot 10^4$
— Đất thịt khô, đất pha cát ẩm, đất pha cát ướt, nước sông hồ.	$1 \cdot 10^4$
— Đất cát thường, đất cát đen khô, đất cát lẫn sỏi.	$5 \cdot 10^4$
— Đất cát khô, đất cát lẫn sỏi và đá dăm, đất lẫn đá vụn và cát từng vữa.	$10 \cdot 10^4$

10. Cho phép sử dụng cả đường ống kim loại chôn dưới đất (trừ các ống dẫn các chất dễ cháy nổ) làm cực nổi đất tự nhiên để giảm bớt số cực nổi đất nhân tạo của hệ thống bảo vệ chống sét.

Cho phép sử dụng bộ phận nổi đất của hệ thống chống sét của đường dây dẫn điện truyền vào nhà làm bộ phận nổi đất của hệ thống chống sét đánh thẳng, nhưng điện trở nổi đất của nó, về trị số không được quá 20 ôm.

11. Bộ phận thu sét, có thể dùng kim thu sét, đai thu sét, dây thu sét, hoặc cột thu sét độc lập:

a) Nếu dùng kim thu sét thì chiều cao có ích của kim không được quá 1m; với sắt tròn đường kính không được nhỏ hơn 12mm, với sắt dẹt

hoặc sắt góc thì tiết diện không được nhỏ hơn 100mm^2 , trong đó bề dày không được nhỏ hơn 3mm;

b) Nếu dùng đai thu sét, thì tiết diện của đai không được nhỏ hơn 50mm^2 ; có thể dùng sắt tròn, với đường kính tối thiểu là 8mm, hoặc sắt dẹt hay sắt góc với bề dày không được nhỏ hơn 3mm;

c) Nếu dùng dây thu sét thì nên sử dụng sắt tròn đường kính 8mm. Khoảng cách tối thiểu từ dây thu sét đến công trình là 60cm;

d) Nếu dùng kim thu sét độc lập, thì giá đỡ của kim có thể làm bằng tre, gỗ... nhưng không được cao hơn bờ nóc của công trình quá 0m5. Các điều kiện về chiều cao và kích thước của kim được quy định như ở phần a.

Đề chống gỉ, tất cả các chi tiết của bộ phận thu sét phải được mạ kẽm hoặc sơn bột nhôm đỏ (sơn dẫn điện).

12. Dây dẫn sét; phần đi trên không, tiết diện không được nhỏ hơn 28mm^2 ; với sắt tròn đường kính không được nhỏ hơn 6mm, với sắt dẹt và sắt góc thì bề dày không được nhỏ hơn 3mm.

Phần đi dưới đất, tiết diện không được nhỏ hơn 50mm^2 , với sắt tròn đường kính không được nhỏ hơn 8mm, với sắt dẹt và sắt góc thì bề dày không được nhỏ hơn 3mm.

Dây dẫn sét nối giữa các bộ phận thu sét với nhau phải sơn bột nhôm, còn phần dẫn xuống bộ phận nổi đất thì chỉ cần sơn chống gỉ.

Cấm dùng các loại dây nhiều sợi vặn xoắn làm dây dẫn sét.

13. Hình thức nổi đất có thể dùng cọc, tia hoặc vừa cọc vừa tia. Khi dùng cọc, thì chiều dài của cọc không được nhỏ hơn 2m và phải đóng xuống đất sao cho đầu trên của cọc ngập sâu từ 0,8 đến 1m; với sắt tròn đường kính không được nhỏ hơn 25mm, sắt ống thì đường kính ngoài không được nhỏ hơn 35mm và chiều dày thành ống không được nhỏ hơn 3,5mm, với sắt góc thì kích thước tối thiểu là $60 \times 60 \times 6$ (mm); khoảng cách giữa các cọc (a) không được nhỏ hơn 2m; thanh nối giữa các cọc với nhau có thể dùng sắt tròn hoặc sắt dẹt, với sắt tròn đường kính không được nhỏ hơn 8mm, sắt dẹt thì kích thước tối thiểu phải là 12×4 (mm). Cấm dùng dây dẫn nhiều sợi vặn xoắn làm thanh nổi đất.

Khi dùng tia, có thể dùng sắt tròn, sắt dẹt hoặc sắt góc; với sắt tròn đường kính không được nhỏ hơn 8mm, với sắt dẹt thì kích thước tối thiểu là 12×4 (mm), với sắt góc thì kích

thước tối thiểu là $60 \times 60 \times 6$ (mm); chiều dài của tia không được quá 100m, khi kéo dài đến 100m mà không đạt được trị số điện trở nổi đất quy định thì phải tăng thêm số tia hoặc cọc; tia phải chôn sâu dưới mặt đất từ 0m5 đến 0m8.

Toàn bộ bộ phận nổi đất có thể mạ kẽm, mạ thiếc, hoặc sơn dẫn điện; nếu không có điều kiện mạ hoặc sơn thì chỉ được đề trần; không được sơn các chất cách điện như các loại sơn thường, hắc ín, nhựa đường...

14. Lắp đặt hệ thống chống sét phải bảo đảm chắc chắn và an toàn. Cách lắp đặt kim thu sét, đai thu sét, dây thu sét được trình bày ở mục III của phần hướng dẫn kèm theo.

Nếu dùng cột thu sét độc lập thì giá đỡ kim phải bảo đảm gió cấp VI không làm đổ gãy.

Khoảng cách giữa các chân đỡ dây dẫn sét đi trên mái không được quá 1m5; đi dọc theo tường thì không được quá 2m (xem hình vẽ ở phần hướng dẫn).

Khoảng cách từ dây dẫn sét đến cửa sò, cửa ra vào không được nhỏ hơn 1m5. Không được đặt dây dẫn sét nơi có nhiều người thường xuyên qua lại.

Bộ phận nổi đất phải chôn cách móng nhà và các lối đi lại ít nhất là 5m nếu là nổi đất kiểu tập trung, và 0m5 nếu là nổi đất kiểu tia. Khi chôn bộ phận nổi đất phải lấp đất và đầm thật chặt.

Các mối nối của hệ thống chống sét tốt hơn hết là hàn điện hoặc hàn hơi. Nếu không có điều kiện hàn, thì các mối nối được phép nối bằng bu-lông, đinh tán hoặc kẹp nối, nhưng mỗi mối nối phải có ít nhất là 2 đinh nối. Diện tích tiếp xúc của mối nối không được nhỏ hơn 100mm^2 ; nếu hàn thì chiều dài của mối hàn không được nhỏ hơn 6 lần đường kính của dây nối lớn hơn (với sắt tròn) và 2 lần chiều rộng của dây nối (với sắt dẹt). Các mối nối phải bảo đảm chắc chắn về mặt cơ giới và dẫn điện.

Các mối nối dưới đất, nếu dùng bu-lông hoặc đinh tán, thì nên bọc mặt ngoài của mối nối bằng một lớp vữa xi-măng đề chống gỉ.

III. NHỮNG QUY ĐỊNH VÀ PHƯƠNG PHÁP BẢO VỆ CHỐNG SÉT TỪ ĐƯỜNG DÂY, ĐƯỜNG ỐNG KIM LOẠI TRUYỀN VÀO CÔNG TRÌNH

1. Các đường dây dẫn điện trên không đến các bộ tiêu thụ cần phải nổi đất các chân sứ ít nhất là hai cột trước khi dẫn vào công trình:

Điện trở nổi đất ở cột gần công trình nhất, về trị số, không được quá 20 ôm; cột thứ hai, không được quá 30 ôm.

Nếu cột bằng sắt và giá đỡ các chân sứ cũng bằng sắt, thì chỉ cần nổi đất hai chân cột gần công trình, mà không phải nổi đất từ các chân sứ, nhưng phải bảo đảm giữa xà và cột tiếp xúc tốt về điện; trị số điện trở nổi đất quy định như trên.

Ngoài ra, đề chống sét từ đường dây dẫn điện truyền vào nhà, còn dùng dây cáp ngầm chôn dưới đất. Đoạn cáp này phải có độ dài ít nhất là 50m (tính từ công trình trở ra), và phải nổi đất chân sứ và vỏ cáp tại cột mà đường dây dẫn điện trên không nổi xuống đoạn cáp đó; trị số điện trở nổi đất không được quá 20 ôm.

2. Các đường ống dẫn bằng kim loại đi trên không (ống dẫn hơi, ống dẫn nước...) phải được nổi đất trước khi dẫn vào công trình. Trị số điện trở nổi đất không được quá 20 ôm.

IV. NGHIỆM THU VÀ BẢO QUẢN

1. Hệ thống chống sét sau khi xây dựng xong phải được tổ chức nghiệm thu. Ban nghiệm thu gồm có đại diện đơn vị quản lý và sử dụng, đại diện đơn vị thi công, và đại diện đơn vị thiết kế.

Trước khi tiến hành kiểm tra nghiệm thu ở hiện trường, phải kiểm tra lại các bản vẽ thiết kế và thi công, bản vẽ sửa đổi (nếu có) trong quá trình thi công; biên bản đo điện trở nổi đất của hệ thống chống sét.

Nội dung kiểm tra nghiệm thu:

a) Kiểm tra toàn bộ hệ thống dẫn điện chung tiết diện, kích thước các bộ phận phải phù hợp với bản thiết kế, khoảng cách giữa hệ thống chống sét với công trình kiến trúc.

b) Sự đảm bảo ở các mối nối về độ bền cơ học và độ dẫn điện; quy cách các chỗ uốn cong;

c) Sự chống đột ở chân kim thu sét và chân đỡ dây thu sét;

d) Tình hình đất chung quanh vị trí đặt bộ phận nổi đất.

2. Công tác kiểm tra bảo quản, tu sửa hệ thống chống sét do cơ quan quản lý sử dụng chịu trách nhiệm.

a) Hệ thống chống sét, nói chung cứ 2 — 3 năm phải được kiểm tra định kỳ một lần vào trước mùa mưa bão. Nội dung kiểm tra bao gồm:

— Các bộ phận dẫn điện có bị nóng chảy, cháy đứt hoặc bị mòn gỉ không? Các mối nối còn tốt không?

— Các khoảng cách quy định còn bảo đảm không?

— Chỗ chôn bộ phận nổi đất, đất có bị lún không? Đo lại điện trở nổi đất, nếu thấy trị số tăng quá 20% so với trị số cho phép thì phải có biện pháp tu bổ.

Tất cả các bộ phận của hệ thống chống sét nếu bị ăn mòn quá 30% tiết diện thì phải được thay thế.

b) Sau những lần sửa chữa nhà cửa, công trình, hoặc đào bới dè dặt các thiết bị khác hay trồng cây... thì phải kiểm tra hệ thống chống sét xem có bị hư hỏng hoặc bị ảnh hưởng không? Ngoài ra, cần phải kiểm tra lại hệ thống chống sét sau những lần có giông bão, sấm sét.

V. TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

A. Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành có trách nhiệm:

1. Tổ chức phổ biến thông tư này đến các ty, sở, các ban, phòng và các ngành có liên quan trong tỉnh, thành.

2. Giao trách nhiệm cho các ban, phòng kiến thiết, ty, sở lao động và ty, sở kiến trúc phối hợp tiến hành các công việc sau đây:

a) Kiểm tra lại việc bảo vệ chống sét ở tất cả các cơ sở công nghiệp sơ tán trong tỉnh, thành và yêu cầu các cơ sở đó thực hiện theo đúng những điều quy định trong thông tư này.

b) Quyết định việc đặt hay không đặt hệ thống bảo vệ chống sét cho các xí nghiệp phân tán hay sơ tán ngay khi lập nhiệm vụ thiết kế hoặc xét duyệt thiết kế.

c) Ngoài ra, theo chức năng của mình, trong các cuộc kiểm tra, các ty, sở lao động cần kiểm tra đôn đốc việc thực hiện và quản lý công tác bảo vệ chống sét ở tất cả các cơ sở trong tỉnh, thành thuộc đối tượng thi hành thông tư này.

3. Giao trách nhiệm cho các ty, sở công nghiệp và các ngành có liên quan nghiên cứu và có kế hoạch cụ thể tổ chức cho các cơ sở thuộc ngành mình tiến hành công tác bảo vệ chống sét theo đúng tinh thần của thông tư này, sau đó báo cáo kết quả cho Ủy ban hành chính tỉnh, thành.

B. Các Bộ, Tổng cục và các ngành quản lý sản xuất tổ chức phổ biến thông tư này đến các cơ sở thuộc ngành mình, và có kế hoạch theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công tác bảo vệ chống sét ở các cơ sở trong ngành.

Công tác bảo vệ chống sét cho các xí nghiệp công nghiệp sơ tán, phân tán trong thời chiến

là rất cần thiết và phải được quan tâm đầy đủ; yêu cầu các Bộ, Tổng cục, các ngành và các địa phương lưu ý theo dõi, rút kinh nghiệm thực tế, phản ánh cho Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước và Bộ Lao động đề tiếp tục nghiên cứu, ban hành bổ sung cho thông tư này được hoàn chỉnh hơn.

Hà-nội, ngày 4 tháng 7 năm 1968

K.T. Bộ trưởng
Bộ Lao động

K.T. Chủ nhiệm Ủy ban
Kiến thiết cơ bản Nhà nước

Thứ trưởng
BÙI QUỲ

Ủy viên
BÙI VĂN CÁC

MỘT SỐ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT

(ban hành kèm theo thông tư số 09-TT/LB ngày 4-7-1968 của Liên bộ Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước — Lao động).

I. SÉT VÀ TÁC HẠI CỦA SÉT

1. Khái niệm về sét.

Sét là sự phóng điện giữa các đám mây mang điện tích (gọi tắt là mây sét) với nhau, hoặc giữa các đám mây mang điện tích với mặt đất. Thời gian phóng điện của sét xảy ra rất ngắn, nhưng tốc độ di chuyển của các điện tích rất nhanh; vì vậy dòng điện và điện thế của sét có thể tới hàng vạn am-pe và hàng triệu vôn. Nhiệt độ của tia điện sét lớn tới hàng vạn độ và gây ra hiện tượng phát quang trong không khí, kèm theo tiếng nổ dữ dội.

2. Những tác hại do sét gây ra.

a) Nhiệt độ của tia điện sét tới hàng vạn độ nên có khả năng chọc thủng các lá kim loại mỏng, các công trình xây dựng bằng các vật liệu dễ cháy (như tranh, tre, nứa, lá...) có thể bị cháy, và đặc biệt là tia lửa điện của sét có khả năng gây ra những vụ cháy nổ lớn đối với các công trình sản xuất hoặc tàng trữ các chất dễ nổ, dễ cháy; làm thiệt hại đến tính mạng của nhiều người và thiệt hại lớn về kinh tế.

b) Tác dụng của nhiệt độ và lực cơ giới của dòng điện sét có thể làm cho cây cối bị đổ, gãy vào nhà cửa công trình; làm sập, đổ hoặc rạn nứt các công trình bằng gạch, ngói, bê-tông và làm méo hoặc biến dạng các công trình bằng kim loại...

c) Khi dòng điện sét qua cơ thể người và gia súc, do tác dụng hóa học và sinh lý của nó, làm cho máu bị phân hủy, các hệ thống thần kinh, tuần hoàn và hô hấp bị tê liệt trầm trọng; nên có thể làm chết người và gia súc một cách nhanh chóng.

Ngoài ra, sét còn gây ra những hiện tượng cảm ứng điện từ làm nguy hiểm đến tính mệnh của người ở gần các thiết bị máy móc bằng kim loại và ảnh hưởng đến thông tin, vô tuyến, v.v...

Vì sét gây ra nhiều tác hại như vậy cho nên công tác bảo vệ chống sét phải được coi trọng, nhằm hạn chế những tác hại do sét gây ra.

Đối với các công trình công nghiệp sơ tán hiện nay, tuy chỉ có tính chất tạm thời, hoặc quy mô nhỏ nên yêu cầu bảo vệ chống sét không đòi hỏi cao và an toàn tuyệt đối; nhưng cũng cần phải bảo đảm an toàn tới mức cần thiết như đã quy định trong bản thông tư này.

II. CẤU TẠO VÀ TÁC DỤNG CỦA HỆ THỐNG CHỐNG SÉT

Đối với các công trình công nghiệp sơ tán cần phải có biện pháp bảo vệ chống sét đánh thẳng, và chống sét từ đường dây chằng cao truyền vào công trình.

1. Bảo vệ chống sét đánh thẳng. Hệ thống chống sét đánh thẳng có tác dụng thu hút các điện tích từ các đám mây sét xuất hiện trong vùng bảo vệ của nó để dẫn xuống đất và nhanh chóng phân tán dòng điện sét vào các lớp đất nhằm bảo đảm an toàn cho người và công trình cũng như máy móc thiết bị. Hệ thống chống sét đánh thẳng gồm 3 bộ phận: đầu thu sét, dây dẫn sét và bộ phận nối đất.

a) **Đầu thu sét** là bộ phận quan trọng của hệ thống chống sét, có nhiệm vụ hút các điện tích trong các đám mây sét xuất hiện trong vùng bảo vệ của nó, không cho sét trực tiếp phóng điện vào công trình cần bảo vệ.

Căn cứ vào hình dáng của nó cơ thể chia ra: kim thu sét, đai thu sét, dây thu sét, v.v... (xem các hình vẽ ở phần hướng dẫn).

b) **Dây dẫn sét** là bộ phận nối liền đầu thu sét với bộ phận nối đất, để nhanh chóng dẫn dòng điện sét xuống đất, không cho dòng điện sét phóng điện vào công trình hoặc các thiết bị máy móc trong công trình.

c) **Bộ phận nối đất** là bộ phận rất quan trọng, có nhiệm vụ nhanh chóng phân tán dòng điện sét vào các lớp đất chung quanh nó, làm cho điện thế của dòng điện sét giảm xuống trị số an toàn và giảm điện thế tiếp xúc và điện thế bước.

Có nhiều hình thức nối đất: nối đất kiểu cọc, nối đất kiểu tia và nối đất vừa cọc vừa tia, v.v... (xem các hình vẽ trong phần hướng dẫn).

Khi thiết kế cần căn cứ vào yêu cầu về trị số điện trở nối đất quy định và tính chất của đất (đặc trưng bởi điện trở suất của đất ρ_d Ω /cm) để lựa chọn hình thức nối đất hợp lý nhất. Ví dụ: lớp đất trên mặt, đất có ρ_d nhỏ thì nên dùng hình thức nối đất kiểu tia (nối đất bề mặt); lớp đất ở sâu có ρ_d nhỏ hoặc có nhiều mạch nước ngầm, thì nên dùng nối đất kiểu cọc.

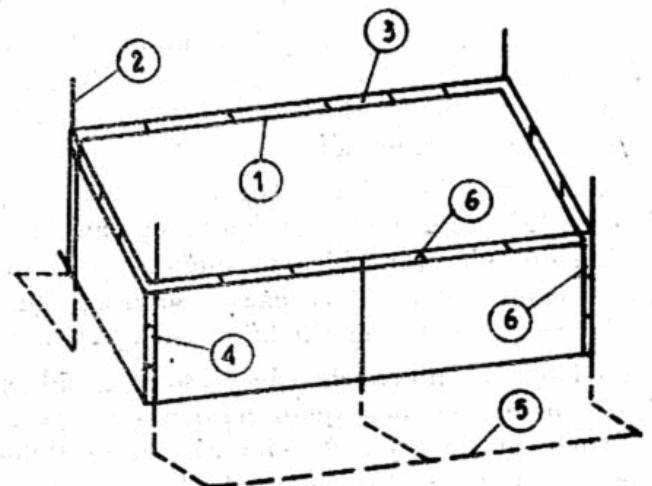
2. Bảo vệ chống sét từ các đường dây chằng cao truyền vào công trình. Sét có thể đánh vào đường dây hay gần đường dây rồi cảm ứng vào đường dây, v.v... làm cho điện thế của đường dây tăng cao rồi truyền vào công trình, gây những tác hại không kém trường hợp sét đánh trực tiếp vào công trình.

Biện pháp bảo vệ là nối đất các chân sứ của đường dây trước khi vào công trình (xem trong thông tư và phần hướng dẫn sau đây).

III. MỘT SỐ HƯỚNG DẪN CỤ THỂ VỀ CÁCH THỨC BẢO VỆ CHO TỪNG LOẠI CÔNG TRÌNH VÀ CÁCH LẮP ĐẶT HỆ THỐNG CHỐNG SÉT

A. Bảo vệ chống sét đánh thẳng.

1. Đối với các công trình kiến trúc mái bằng: chung quanh tường chắn mái đặt đai thu sét và để bảo đảm chắc chắn hơn, tại góc nhà đặt thêm một kim thu sét cao khoảng 30cm đến 40cm (hình 1)



Hình 1

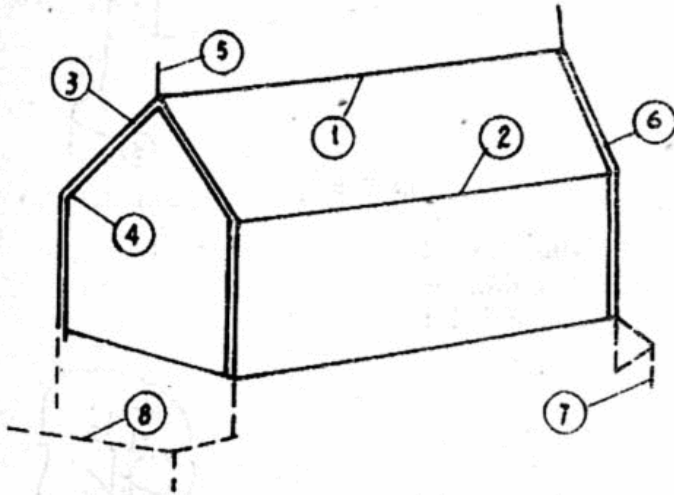
Bảo vệ công trình mái bằng:

- 1) Tường chắn mái
- 2) Kim thu sét
- 3) Đai thu sét đặt cao hơn bờ tường 50mm.
- 4) Dây dẫn sét nối từ bộ phận thu sét xuống bộ phận nối đất
- 5) Bộ phận nối đất kiểu tia (thanh)
- 6) Chân đỡ đai thu sét và dây dẫn sét

Ghi chú: Đai thu sét phải hàn nối với kim thu sét và các chân đỡ như đã quy định.

Nếu chiều dài công trình từ 20m trở lại thì chỉ cần đặt dây dẫn sét tại các góc nhà, trường hợp dài hơn 20m thì cứ cách 20m phải đặt một dây dẫn xuống.

2. Đối với công trình mái dốc bằng gạch, ngói và chiều dài không quá 30m thì chỉ cần đặt hai kim thu sét cao 40cm ở hai góc nhà và đặt dây dẫn sét vòng qua các góc diềm (hình 2).



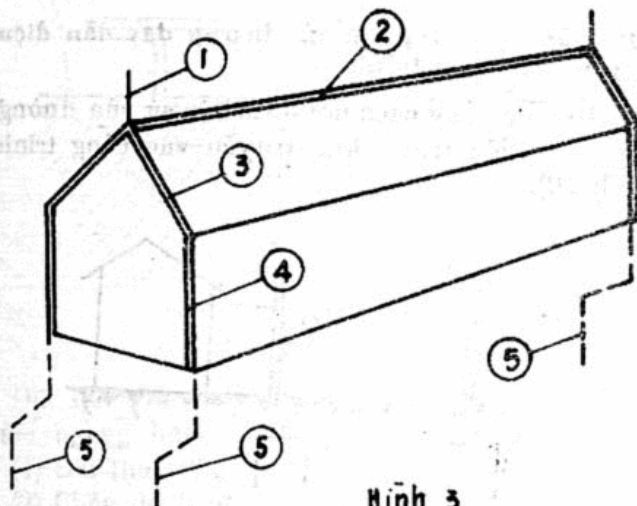
Hình 2

Bảo vệ nhà mái dốc :

- (1) Bờ nóc
- (2) Diềm mái
- (3) Góc nhà
- (4) Góc diềm mái
- (5) Kim thu sét cao 40cm
- (6) Dây dẫn sét nối xuống bộ phận nối đất
- (7) Cựe nối đất kiểu cọc
- (8) Thanh dẫn nối giữa các cựe nối đất

Đối với các công trình mái dốc bằng gạch, ngói ; chiều dài lớn hơn 30m :

Đặt đai thu sét dọc theo bờ nóc và bờ chày. Để bảo đảm hơn, có thể đặt thêm 2 kim thu sét cao 40cm; ở hai góc công trình (hình 3).



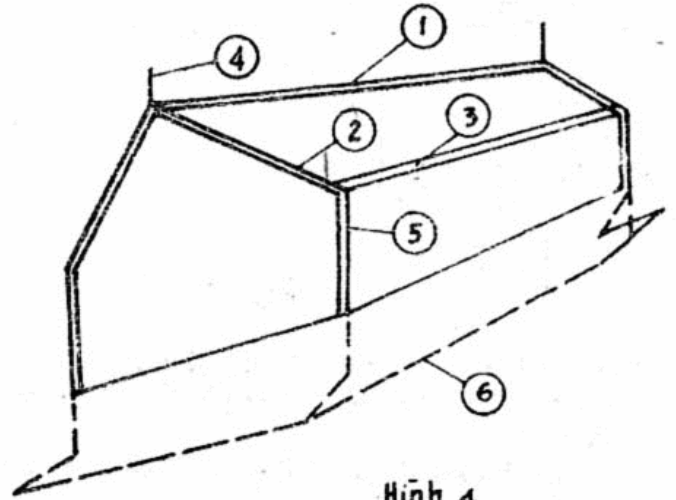
Hình 3

Bảo vệ nhà mái dốc dài hơn 30m :

- (1) Kim thu sét bảo vệ góc nhà
- (2) Đai thu sét đặt bảo vệ bờ nóc

- (3) Đai thu sét bảo vệ bờ chày và góc diềm
- (4) Dây dẫn sét xuống bộ phận tiếp đất
- (5) Cựe nối đất kiểu cọc

4. Đối với công trình mái dốc bằng gạch, ngói, độ dốc mái nhỏ hơn 27° và chiều dài lớn hơn 60m, chiều rộng lớn hơn 21m: đặt đai thu sét dọc bờ nóc, bờ chày, diềm mái và tại hai góc nhà nên đặt thêm hai kim thu sét cao 40cm (hình 4).

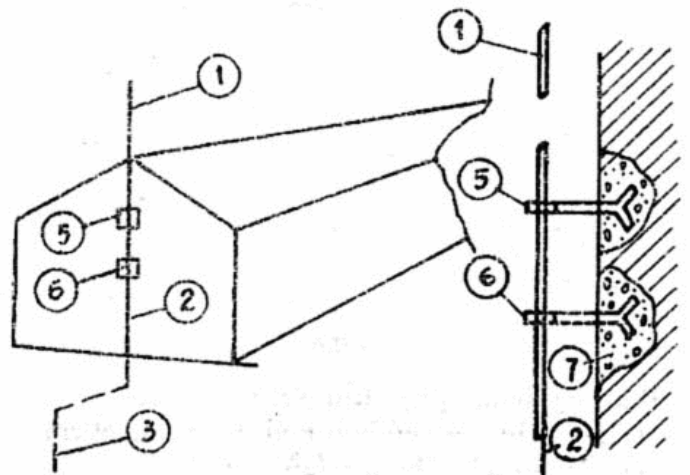


Hình 4

Bảo vệ nhà mái dốc có kích thước lớn :

- (1) Đai thu sét bảo vệ bờ nóc
- (2) Đai thu sét bảo vệ bờ chày và góc diềm
- (3) Đai thu sét bảo vệ diềm mái, góc diềm
- (4) Kim thu sét tăng cường bảo vệ góc nhà
- (5) Dây dẫn sét xuống bộ phận nối đất
- (6) Nối đất kiểu vòng quanh móng nhà

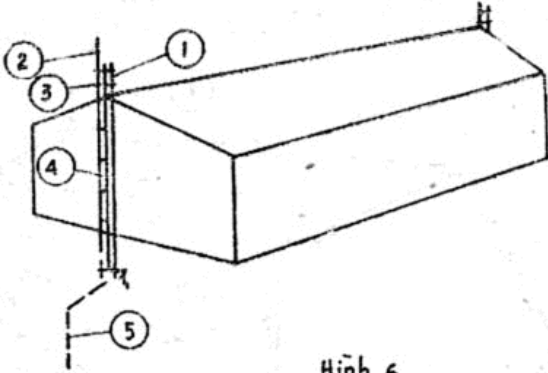
5. Đối với công trình mái dốc bằng vật liệu dễ cháy (tranh, tre, nứa, lá,) nhưng tường hồi bằng gạch và chiều dài không quá 30m : lắp hai kim thu sét ở 2 góc nhà, đỉnh kim cao hơn nóc nhà ít nhất là 40cm (hình 5).



Hình 5

- (1) Kim thu sét cách tường 10 - 15cm
- (2) Dây dẫn sét
- (3) Bộ phận nối đất kiểu cọc
- (4) Tường gạch
- (5) Chân đỡ (kẹp) kim thu sét
- (6) Chân đỡ kim thu sét (sắt, gỗ)
- (7) Vữa xi-măng

6. Đối với công trình mái dốc bằng vật liệu dễ cháy (tranh, tre, nứa, lá...) tường hồi cũng bằng vật liệu dễ cháy và chiều dài không quá 30m, có thể đặt 2 cột thu sét độc lập ở hai đầu nhà, đầu kim cao hơn nóc nhà ít nhất là 40cm và cột đỡ kim thu sét đặt cách tường ít nhất là 20cm, (hình 6).



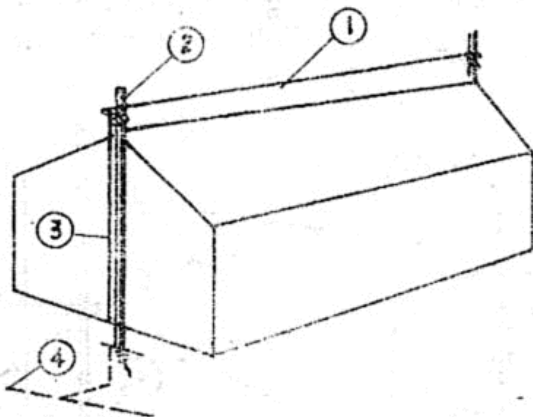
Hình 6

Bảo vệ bằng kim thu sét độc lập :

- (1) Cột đỡ kim thu sét (bằng gỗ, tre) chôn cách ly với nhà
- (2) Kim thu sét được cố định trên cột đỡ bằng vòng giữ (3)
- (4) Dây dẫn sét, cố định vào cột bằng các đinh quặp
- (5) Bộ phận nối đất (ở đây giả thiết là dùng cọc)

Chú thích : Cột đỡ chôn cách tường nhà ít nhất là 20cm.

7. Các công trình hoàn toàn làm bằng vật liệu dễ cháy và chiều dài lớn hơn 30m ; vì cần phải bảo vệ cả bờ nóc, nên có thể sử dụng biện pháp bảo vệ bằng dây thu sét (hình 7).



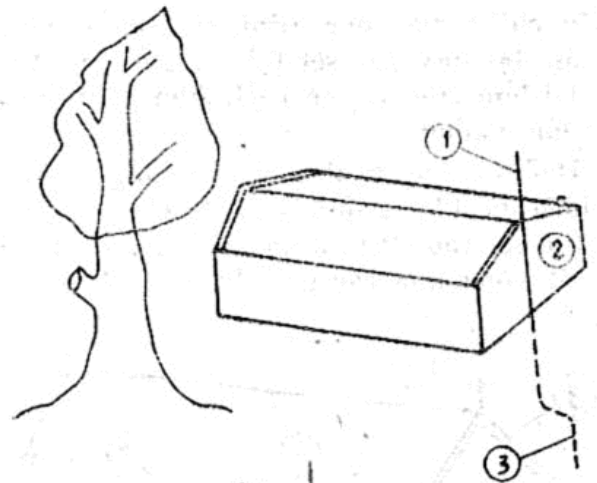
Hình 7

Bảo vệ bằng dây thu sét :

- (1) Dây thu sét cao hơn mái ít nhất là 40cm
- (2) Cột đỡ dây thu sét (gỗ, tre...)
- (3) Dây dẫn sét
- (4) Bộ phận nối đất (giả thiết là kiểu tia)

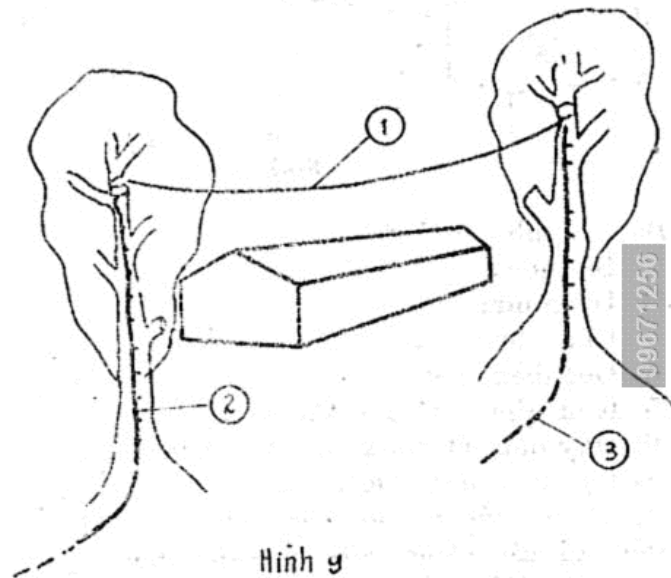
Chú thích : Nếu công trình quá dài, ở giữa dây đặt thêm một cột đỡ (bằng vật liệu cách điện).

8. Trường hợp có cây xanh cần tăng cường bảo vệ phần công trình còn lại (hình 8) ; hoặc hai đầu nhà có cây xanh nhưng cần bảo vệ bờ nóc nên lợi dụng cây xanh để căng dây thu sét. (hình 9)



Hình 8

- (1) Kim thu sét
- (2) Dây dẫn sét
- (3) Cọc nối đất

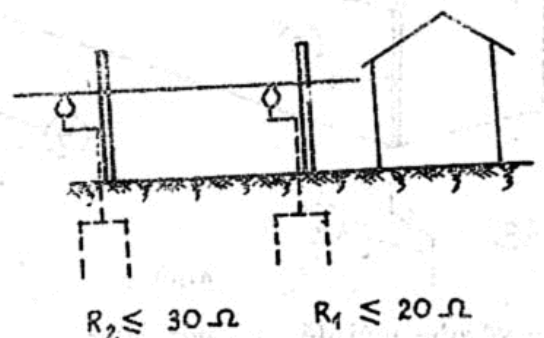


Hình 9

- (1) Dây thu sét
- (2) Dây nối đất (dẫn sét)
- (3) Tia nối đất

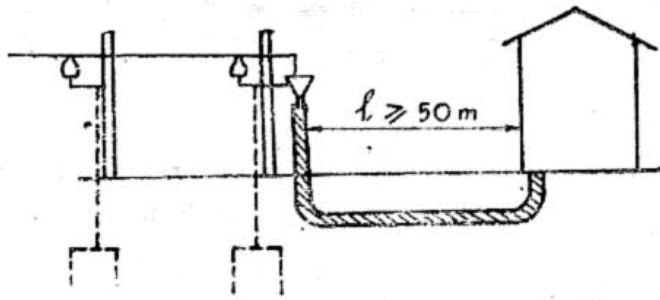
B. Bảo vệ chống sét từ đường dây dẫn điện truyền vào công trình.

1. Bảo vệ bằng cách nối đất chân sứ của đường dây dẫn điện trước khi truyền vào công trình (hình 10).



Hình 10

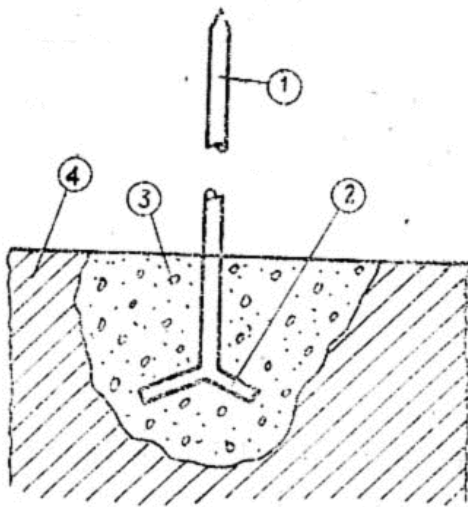
2. Bảo vệ bằng một đoạn cáp, kết hợp với nối đất chân sứ trước khi dẫn vào công trình (hình 11).



$$R_z \leq 10 - 20 \Omega$$

Hình 11

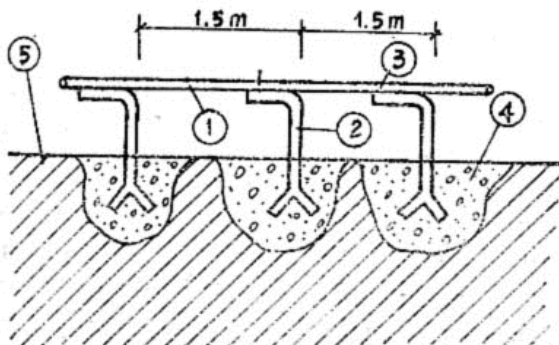
C. Cách lắp đặt hệ thống chống sét.



Hình 12

Đặt kim thu sét vào tường (hình 12) :

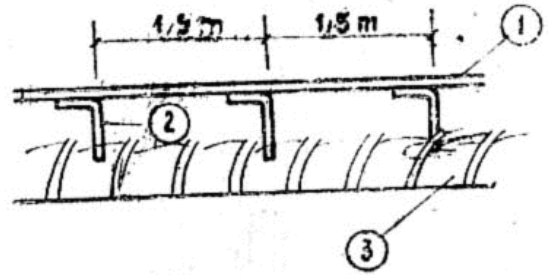
- (1) Kim thu sét
- (2) Chân kim thu sét (chê chân)
- (3) Vữa xi-măng
- (4) Tường gạch hay bê-tông.



Hình 13

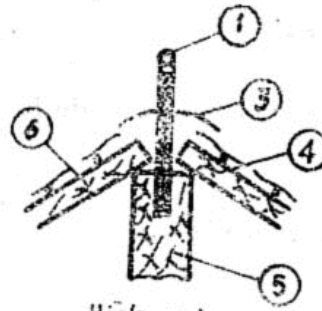
Đặt đai thu sét hoặc dây dẫn sét trên tường nằm ngang hoặc xiên (hình 13) :

- (1) Đai thu sét hoặc dây dẫn sét.
- (2) Chân đỡ (chê chân chôn vào tường)
- (3) Mối hàn (có thể dùng kẹp, hoặc bu-lông tán)
- (4) Vữa xi-măng
- (5) Tường gạch



Hình 14a

Đặt đai thu sét trên bờ nóc (hình 14a và hình 14b) :



Hình 14b

(1) Đai thu sét đặt trên bờ nóc

(2) Cọc đỡ đai thu sét đóng xuống xà gỗ nóc

(3) Ngói úp bờ nóc

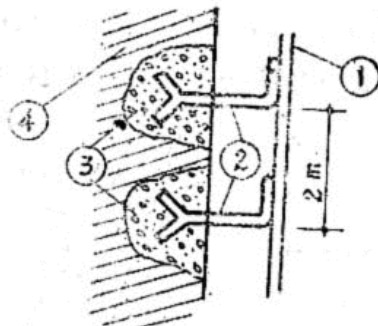
(4) Ngói bờ

(5) Xà gỗ nóc

(6) Cầu phong

Chú thích : Cọc đỡ còn có thể lắp đặt theo cách khác (đây chỉ là một kiểu).

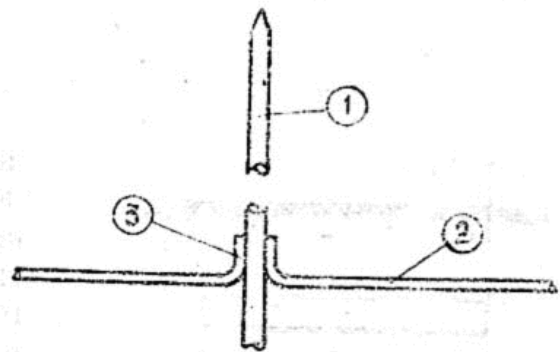
Chú ý biện pháp chống đột.



Hình 15

Đây dẫn sét đặt dọc theo tường (hình 15) :

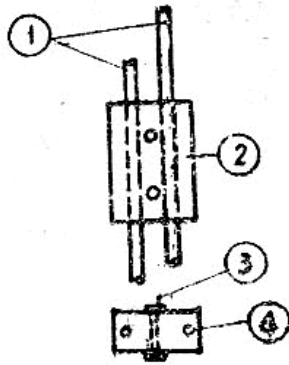
- (1) Dây dẫn sét cách tường 50mm
- (2) Cọc đỡ dây chôn vào tường
- (3) Vữa xi-măng
- (4) Tường



Hình 16

Hàn kim thu sét với đai thu sét hoặc dây dẫn sét (hình 16) :

- (1) Kim thu sét
- (2) Đai thu sét hoặc dây dẫn sét
- (3) Mối hàn (bảo đảm chắc chắn và kích thước quy định trong thông tư).



Hình 17

Nối bằng kẹp (hình 17) :

- (1) Dây dẫn nối
- (2) Thép dẹt (kích thước phải bảo đảm độ bền và diện tích tiếp xúc quy định)
- (3) Đinh bu-lông
- (4) Lớp chì lót bảo đảm tiếp xúc tốt



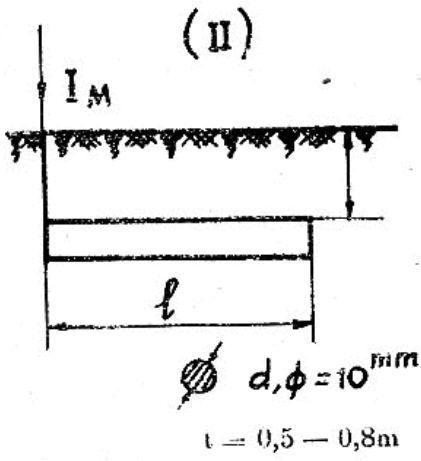
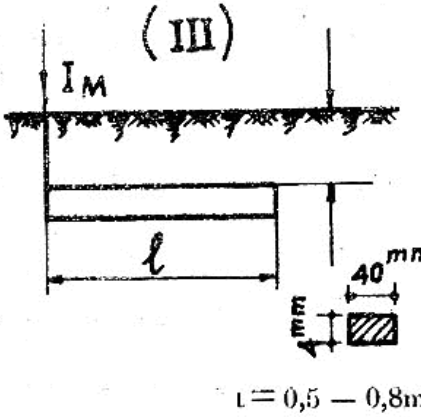
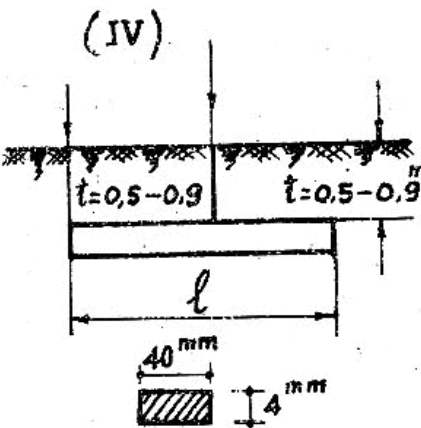
Hình 18

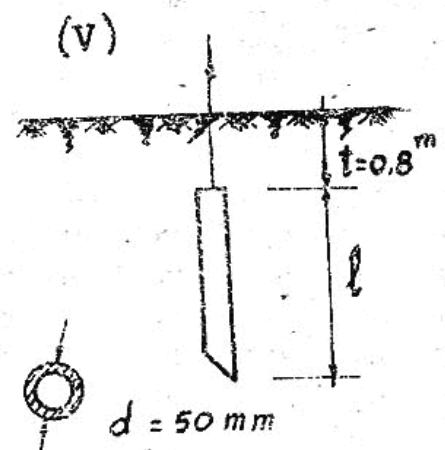
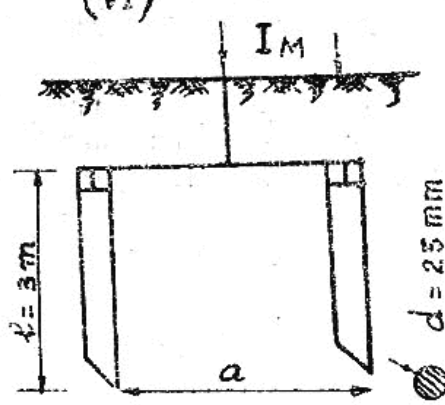
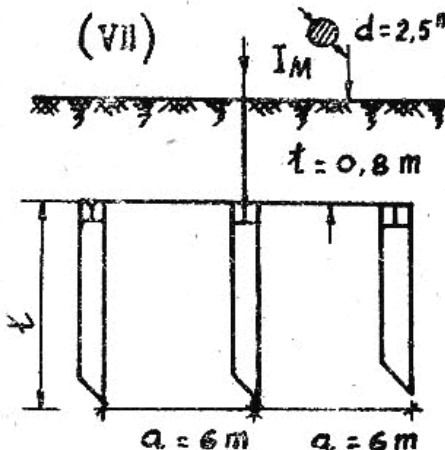
Nối bằng đinh tán (hình 18)

IV. BỘ PHẬN NỐI DÂY — CÓ THỂ LỰA CHỌN HÌNH THỨC NỐI DÂY VÀ KẾT QUẢ TÍNH TOÁN TRONG BẢNG SAU ĐÂY

GIẢN ĐỒ NỐI DÂY	Chiều dài giá hoặc cọc L(m)	$\rho = 0,4 \cdot 10^4$ (ôm/cm ²)		$\rho = 1 \cdot 10^4$ (ôm/cm)		$\rho = 5 \cdot 10^4$ (ôm/cm)		$\rho = 10 \cdot 10^4$ (ôm/cm)	
		R~ (ôm)	Ri (ôm)	R~ (ôm)	Ri (ôm)	R~ (ôm)	Ri (ôm)	R~ (ôm)	Ri (ôm)
<p>(I)</p> <p>$d, \phi = 8^{mm}$</p> <p>$t = 0,5 - 0,8m$</p>	2	26	25	52	41	260	104	520	182
	4	46	15	31	25	155	62	310	110
	6	12	11	23	18	115	46	230	81
	8	10	9	19	15	95	38	190	67
	10	8	7	16	12	80	32	160	55
	12	7,11	6,75	14,2	11,3	71	28,5	142	49,5
	14	6,25	5,9	12,5	10	62,5	25	125	43,5
	16	5,75	5,45	11,5	9,2	57,5	23	115	40
	18	5,00	4,75	10	8	50	20	100	35
	20	4,63	4,4	9,25	7,4	45,5	18,2	92,5	32,4
	25	3,90	3,7	7,8	6,25	39	16,6	78	27,3
	30	3,40	2,7	6,7	5,4	33,5	13	67	23,5

09671256
 Tel: 84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

GIẢN ĐỒ NỐI DẮT	Chiều dài giá hoặc cọc L (m)	$\rho = 0,4 \cdot 10^4$ (ô m/cm)		$\rho = 1 \cdot 10^4$ (ô m/cm)		$\rho = 5 \cdot 10^4$ (ô m/cm)		$\rho = 10 \cdot 10^4$ (ô m/cm)	
		R~	Ri	R~	Ri	R~	Ri	R~	Ri
		(ô m)	(ô m)	(ô m)	(ô m)	(ô m)	(ô m)	(ô m)	(ô m)
 <p>(II)</p> <p>$d, \phi = 10^{mm}$</p> <p>$t = 0,5 - 0,8m$</p>	2	25	24	50	41	225	90	450	158
	4	15	14	30	25	150	58	300	106
	6	11	10	21	18	110	42	220	79
	8	9	8	16	15	90	32	180	60
	10	7	8	14	12	75	28	146	50
	15	5,8	5,5	11,6	9,28	58	23	116	41
	20	4,55	4,3	9,1	7,25	45,5	18	91	32
	25	3,8	3,6	7,6	6,1	38	15	76	26,5
	30	3,25	3,1	6,5	5,2	32,5	13	65	23
	35	2,85	2,7	5,7	4,55	27,5	10,8	57	20
40	2,55	2,4	5,1	4,1	25,5	10	51	18	
 <p>(III)</p> <p>$t = 0,5 - 0,8m$</p>	2	22	21	44	35	220	88	440	154
	4	14	13	28	22	140	50	230	98
	8	8	7,5	16	13	08	32	160	56
	10	7	6,5	14	11	70	28	140	49
	15	5,35	5,1	10,7	8,56	53,5	21,3	10,7	37,5
	20	4,25	4	8,5	6,8	42,5	17	85	29,5
 <p>(IV)</p> <p>$t = 0,5 - 0,9m$</p>	2,5	9,5	9	19	15	95	38	190	66
	3	8,4	8	17	13	84	34	168	59
	5	5,8	5,5	12	9	60	23	117	41
	10	4	3,8	8	6,4	40	16	80	28

GIÀN ĐỒ NỐI DẮT	Chiều dài giá hoặc cọc L(m)	$\rho = 0,4 \cdot 10^4$ (đm/cm)		$\rho = 1 \cdot 10^4$ (đm/cm)		$\rho = 5 \cdot 10^4$ (đm/cm)		$\rho = 10 \cdot 10^4$ (đm/cm)	
		R~ (đm)	Ri (đm)	R~ (đm)	Ri (đm)	R~ (đm)	Ri (đm)	R~ (đm)	Ri (đm)
(V) 	2,5	15,6	14,8	31	25	156	63	313	100
	3,0	13,5	13	27,5	22	136	55	270	100
(VI) 	3	5,8	7,3	11,6	13,8	58	34	116	50
	6	4,8	5	9,1	10	45	25	91	37,5
(VII) 	3	2,8	—	5,7	5,7	27,5	15,5	55	32

Ghi chú: Hướng dẫn sử dụng bảng.

1. Các ký hiệu ghi trong bảng:

l — là chiều dài của các cọc hoặc tia nối đất, tính bằng mét (m).

$R_0(\rho)$ — là điện trở suất của đất. Trị số của R_0 được đo trực tiếp bằng đồng hồ đo, hoặc tra ở bảng cho sẵn trong mục 9 (phần II của thông tư).

$R \sim$ — là điện trở nối đất xoay chiều. Trị số $R \sim$ đo được bằng đồng hồ đo và đã tính đến ảnh hưởng của thời tiết:

R_i — là điện trở xung kích, là trị số điện trở nối đất thực tế khi có dòng điện sét đi qua nó.

t — là độ chôn sâu của cọc (tính từ mặt đất đến đầu trên của cọc) hoặc tia nối đất.

a — là khoảng cách giữa các cọc nối đất, khoảng cách quy định này để tránh ảnh hưởng lẫn nhau khi dòng điện sét từ các cọc (thanh) nối đất tản ra trong đất.

2. Cách sử dụng bảng.

Sau khi xác định được điện trở suất của đất tại chỗ sẽ đặt bộ phận nối đất (đo hoặc tra bảng) và quyết định hình thức đặt hệ thống nối đất (xem ở phần hướng dẫn) thì tra ở bảng để xem kích thước cần thiết của cọc hoặc tia.

Thí dụ: với trị số điện trở suất của đất (ρ) tại chỗ đặt hệ thống nối đất là 10.10^4 ôm/cm ; lớp đất ở trên mặt (sâu từ 0m5 đến 0m8) có điện trở suất nhỏ hơn lớp đất ở dưới sâu, do đó nên dùng hình thức nối đất kiểu tia (nối đất bề mặt). Căn cứ vào giản đồ II ở bảng để tra ra các số liệu ở cột

$\rho = 10.10^4 \text{ ôm/cm}$ có ghi trị số $R_i = 50 \text{ ôm}$ ứng với $R_i = 50 \text{ ôm}$, theo hàng ngang tra được chiều dài của tia là 10m. Tia này có đường kính là $d = 10 \text{ mm}$.

Mấy vấn đề cần nói thêm:

— Khi tra bảng thì căn cứ vào trị số R_i để chọn kích thước của cọc và tia. Còn trị số $R \sim$ chỉ để kiểm tra lại điện trở nối đất của hệ thống chống sét sau khi đã xây dựng xong, hoặc để kiểm tra định kỳ sau này. Khi dùng đồng hồ đo trực tiếp thì đo được trị số của $R \sim$ ứng với $R \sim$ có R_i . Khi thấy trị số $R \sim$ tăng lên thì cũng có nghĩa là R_i đã tăng lên.

— Trường hợp khi đo điện trở suất của đất có những trị số không ghi trong bảng; ví dụ: trị số ρ đo được là $0,3.10^4 \text{ ôm/cm}$ hay 2.10^4 ôm/cm ... thì khi tra bảng trị số đó được tính tăng lên hoặc giảm xuống: nếu trị số đo được lớn hơn 1/2 trị số ghi ở bảng thì được tính tăng lên (ví dụ: ρ đo = $0,3.10^4 \text{ ôm/cm}$ thì lấy

tăng lên là $\rho = 0,5.10^4 \text{ ôm/cm}$ để tra bảng); nếu trị số đo được nhỏ hơn 1/2 trị số ghi ở bảng thì lấy ρ giảm xuống (ví dụ ρ đo = 2.10^4 ôm/cm thì lấy xuống là 1.10^4 ôm/cm để tra bảng).

— Cũng với nguyên tắc làm tròn con số đó nếu trị số điện trở nối đất ở bảng không có ghi những con số chuẩn ứng với các kích thước của các cọc và thanh, thì có thể lấy những trị số trên dưới trị số đó. Ví dụ: trị số điện trở nối đất cần thiết là $R_i = 20 \text{ ôm}$, nhưng cũng có thể lấy $R_i = 21 \text{ ôm}$ hoặc $R_i = 19 \text{ ôm}$.

K.T. Bộ trưởng
Bộ Lao động
Thư trưởng
BÙI QUỲ

K.T. Chủ nhiệm Ủy ban
Kiến thiết cơ bản Nhà nước
Ủy viên
BÙI VĂN CÁC

BỘ NỘI THƯƠNG

THÔNG TƯ số 345-NT ngày 25-5-1968
bổ sung chế độ cung cấp hàng hóa
cho người đẻ, sảy thai và một số
đối tượng khác.

Trong thông tư số 655-NT ngày 7-11-1967 về công tác kê khai cấp phát phiếu mua hàng hóa, Bộ có quy định một số chế độ về các địa phương kịp thời cấp phát phiếu trong năm 1968, nay Bộ hướng dẫn và bổ sung một số điểm về chế độ cung cấp cho một số đối tượng trong thông tư số 655-NT như sau:

1. Chế độ đối với người đẻ và sảy thai, nạo thai.

Trước đây đã có chế độ cấp thịt, đường, nước mắm cho người đẻ, nay thi hành nghị quyết của Hội đồng Chính phủ số 31-CP ngày 8-3-1967 và sau khi nhất trí với Bộ Y tế, chế độ bồi dưỡng đối với người đẻ và sảy thai, nạo thai quy định như sau:

— Nhân dân nội thành, nội thị, khu công nghiệp, mỗi lần đẻ hoặc sảy thai từ tháng thứ 5 trở lên được cấp 2 kg thịt, 1 lít nước mắm loại ngon (hoặc nước chấm ngon) và 1 kg đường.

— Nhân dân nội thành, nội thị, khu công nghiệp mỗi lần nạo thai hoặc sảy thai từ tháng thứ 4 trở xuống được cấp 0kg500 thịt và 0kg500 đường.

— Nhân dân nông thôn, ngoại thành, ngoại thị mỗi lần đẻ hoặc sảy thai từ tháng thứ 5